

|H|A|C|K|E|R|S|

# HACKERS TOEIC START ▶ READING

NEW  
TOEIC

**30 PHÚT TỰ HỌC TOEIC MỖI NGÀY**

Phan Điều dịch

David Cho



Củng cố ngữ pháp và  
tử vựng cơ bản cùng chiến  
lược làm bài cho từng dạng



Cung cấp đáp án  
kèm lời giải chi tiết



Hướng dẫn lộ trình  
học hiệu quả trong  
vòng 4 tuần

alphabooks

gamma

MARKET  
ĐÀNG

HACKERS

## BÀI THI TOEIC READING ĐỊNH DẠNG MỚI

# READING

## CHIẾN LƯỢC LÀM BÀI TRỌNG TÂM

Cấu trúc mới của đề thi TOEIC được áp dụng từ ngày 1 tháng Sáu năm 2019. Theo đó, phần Reading vẫn giữ nguyên 100 câu hỏi trong thời gian 75 phút. Tuy nhiên, độ khó đã tăng lên rất nhiều và cũng có thêm nhiều dạng câu hỏi mới ở Part 6 và Part 7.

Hackers TOEIC Start Reading được biên soạn nhằm giúp người học có sự chuẩn bị tốt nhất cho những thay đổi ở phần thi Reading. Cuốn sách cũng cung cấp cho bạn những kiến thức căn bản nhất về ngữ pháp, từ vựng cùng chiến lược làm bài hiệu quả để sẵn sàng chinh phục bài thi TOEIC với số điểm cao.






### BÀI THI TOEIC READING MỚI! BẠN ĐÃ BIẾT NHỮNG GÌ?

|                                                              | Yes                      | No                       |
|--------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Q1. Số câu hỏi trong Part 5 giảm.                            | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Q2. Part 6 gồm các câu hỏi về từ vựng, ngữ pháp và đọc hiểu. | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Q3. Part 7 xuất hiện dạng bài đọc ba đoạn văn và câu hỏi yêu | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

cầu điền câu thích hợp vào chỗ trống.

Để biết đáp án là YES hay NO, hãy cùng tìm hiểu về cấu trúc bài thi TOEIC Reading dạng thức mới được đề cập trong trang tiếp theo.

## BÀI THI TOEIC READING MỚI - NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT!

| Part                                               | Nội dung từng phần     | Số câu hỏi trong bài thi cũ | Số câu hỏi trong bài thi mới                               | Điểm thay đổi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                            |
|----------------------------------------------------|------------------------|-----------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|
| 5                                                  | Hoàn thành câu         | 40 câu hỏi                  | 30 câu hỏi<br>(giảm 10 câu)                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng câu hỏi giảm</li> <li>- Tỷ lệ câu hỏi về ngữ pháp tăng lên tương đối so với câu hỏi về từ vựng</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                            |
| 6                                                  | (Incomplete Sentences) | 12 câu hỏi 4 đoạn văn       | 16 câu hỏi<br>(tăng 4 câu▲)<br>4 đoạn văn                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng câu hỏi tăng</li> <li>- Bổ sung dạng câu hỏi mới: chọn câu thích hợp để điền vào chỗ trống </li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                            |
| 7                                                  | Hoàn thành đoạn văn    | 28 câu hỏi 9 bài đọc        | 29 câu hỏi<br>(tăng 1 câu▲)<br>10 bài đọc<br>(tăng 1 bài▲) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số câu hỏi ở dạng bài một đoạn văn tăng</li> <li>- Số câu hỏi ở dạng bài hai đoạn văn giảm</li> <li>- Bổ sung dạng bài ba đoạn văn </li> <li>- Bổ sung dạng bài đọc mới</li> <li>+ Chuỗi tin nhắn </li> <li>- Bổ sung dạng câu hỏi mới</li> <li>+ Câu hỏi nắm bắt ý đồ </li> <li>+ Câu hỏi chọn vị trí của câu văn </li> </ul> |                            |
|                                                    | (Text Completion)      | 20 câu hỏi 4 bài đọc        | 10 câu hỏi<br>(giảm 10 câu▼)<br>2 bài đọc<br>(giảm 2 bài▼) |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 54 câu hỏi<br>(tăng 6 câu) |
|                                                    | Một đoạn văn           | -                           | 15 câu hỏi<br>(tăng 15 câu▲)<br>3 bài đọc<br>(tăng 3 bài▲) |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 15 bài đọc                 |
| Tổng số câu hỏi trong phần thi Reading (thời gian) |                        | 100 câu hỏi (75 phút)       | 100 câu hỏi (75 phút)                                      | -                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                            |

## »» Part 5 Số câu hỏi giảm, tỷ lệ câu hỏi về ngữ pháp trong đề tăng.

- Số câu hỏi trong bài thi cũ là 40, nay đã giảm 10 câu xuống còn 30 câu hỏi
- Hình thức câu hỏi giống bài thi cũ
- Tỷ lệ câu hỏi về ngữ pháp có trong đề tăng lên tương đối so với số câu hỏi về từ vựng

## »» Part 6 Số câu hỏi tăng, bổ sung dạng câu hỏi mới.

- Số câu hỏi trong bài thi cũ là 12, nay đã tăng thêm 4 câu thành 16 câu hỏi
- Số lượng bài đọc giống bài thi cũ
- Bổ sung một câu hỏi yêu cầu chọn câu thích hợp.

## »» Part 7 Số câu hỏi tăng, bổ sung dạng bài đọc và dạng câu hỏi mới.

- Số câu hỏi trong bài thi cũ là 48, nay đã tăng thêm 6 câu thành 54 câu hỏi
- Bổ sung dạng bài ba đoạn văn gồm ba đoạn văn có nội dung liên quan với nhau
- Bổ sung dạng bài chuỗi tin nhắn có hình thức là các đoạn trao đổi bằng tin nhắn điện thoại, tin nhắn chat
- Bổ sung dạng câu hỏi nắm bắt ý đồ yêu cầu xác định ý của người nói trong một cụm từ hay một câu nào đó
- Bổ sung dạng câu hỏi về vị trí của câu văn yêu cầu lựa chọn vị trí thích hợp nhất trong bài đọc để điền một câu cho trước

# Part 5 Trau dồi ngữ pháp và từ vựng để đẩy nhanh tốc độ giải quyết các câu hỏi

## Phân tích chi tiết

Thời gian trả lời từng câu hỏi giảm, tỷ lệ câu hỏi về ngữ pháp xuất hiện trong đề tăng.

|                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Số lượng câu hỏi giảm                                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>Số câu hỏi trong Part 5 giảm, tuy nhiên số câu hỏi cần nhiều thời gian để giải quyết trong Part 6 và Part 7 lại tăng.</li> <li>Do thời gian cho phần thi Reading vẫn là 75 phút nên thời gian để trả lời mỗi câu hỏi trong Part 5 sẽ giảm so với bài thi cũ.</li> </ul> |
| Tỷ lệ các câu hỏi về ngữ pháp xuất hiện trong đề tăng | <ul style="list-style-type: none"> <li>Trong tổng số 30 câu hỏi, tỷ lệ xuất hiện của các câu hỏi về ngữ pháp tăng lên, trong khi đó tỷ lệ các câu hỏi về từ vựng lại giảm đáng kể.</li> </ul>                                                                                                                  |

## Chiến lược làm bài

[Ngữ pháp] Luyện tập phân tích cấu tạo câu để rút ngắn thời gian trả lời các câu hỏi về ngữ pháp

- Xác định các thành phần chính trong câu như chủ ngữ, động từ, tân ngữ hay bổ ngữ cũng như cách sử dụng chúng.
- Hãy thử tự phân tích những cấu trúc câu phức tạp, xác định các thành phần ngữ pháp mà bạn từng gặp để nhanh chóng nắm bắt cấu trúc câu.

[Từ vựng] Học từ vựng theo ngữ cảnh để rút ngắn thời gian trả lời các câu hỏi về từ vựng

Việc học từ dựa theo ngữ cảnh giúp bạn có thể đẩy nhanh tốc độ giải quyết các câu hỏi về từ vựng khi làm bài thi.

## ■ Phân bổ thời gian làm phần TOEIC Reading định dạng mới

|                                                                         |                                  |                                 |                                 |                        |
|-------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|------------------------|
| Bài thi TOEIC cũ                                                        | Part 5: 19 phút<br>(28 giây/câu) | Part 6: 6 phút<br>(30 giây/câu) | Part 7: 48 phút<br>(1 phút/câu) | Nhập đáp án:<br>2 phút |
| (Thời gian để trả lời mỗi câu hỏi ở Part 5 đã giảm xuống khoảng 5 giây) |                                  |                                 |                                 |                        |
| ■ Bài thi TOEIC mới                                                     | Part 5: 11 phút<br>(22 giây/câu) | Part 6: 8 phút<br>(30 giây/câu) | Part 7: 54 phút<br>(1 phút/câu) | Nhập đáp án:<br>2 phút |

Tổng thời gian cho phần thi Reading: 75 phút

### Chinh phục Part 5 của bài thi TOEIC Reading mới cùng Hackers TOEIC Start Reading!

1) Cung cấp những kiến thức ngữ pháp cơ bản giúp ngay cả người mới bắt đầu cũng có thể nắm được cấu trúc câu tiếng Anh dễ dàng và nhanh chóng!

[Tham khảo] Ngữ pháp cơ bản (tr. 28-31)

2) Bổ sung những mẫu truyện đọc thú vị giúp người học trau dồi từ vựng theo ngữ cảnh

[Tham khảo] Vocabulary Day 1 Week 1 (tr.42), Vocabulary Day 2 Week 1 (tr. 60),...

Bổ sung dạng câu hỏi mới yêu cầu nắm bắt ngữ cảnh của bài đọc!

## Part 6

# LÀM QUEN VỚI KỸ NĂNG “NẮM BẮT NGỮ CẢNH”

### Phân tích chi tiết

Mỗi bài đọc đều sẽ xuất hiện một câu hỏi yêu cầu nắm bắt ngữ cảnh!

Câu hỏi yêu cầu chọn câu thích hợp



- Đây là dạng câu hỏi yêu cầu căn cứ vào ngữ cảnh của bài đọc để chọn câu thích hợp để điền vào chỗ trống.
- Các phương án để lựa chọn là những câu hoàn chỉnh. Đối với dạng câu hỏi này, bạn sẽ cần nhiều thời gian để trả lời hơn do phải nắm được ngữ cảnh của bài.

### Chiến lược làm bài

Luyện tập dự đoán mạch văn để nắm được ngữ cảnh của bài nhanh hơn

- Việc luyện tập đọc những nội dung quanh chỗ trống và dự đoán mạch văn sẽ giúp người đọc nắm bắt được ngữ cảnh của bài nhanh hơn.
- Đề thi cũng có những câu hỏi về từ vựng – ngữ pháp đòi hỏi thí sinh phải nắm được ngữ cảnh quanh câu văn chứa chỗ trống hoặc của toàn bài. Bởi vậy, luyện tập cách xác định ngữ cảnh của bài đọc còn giúp bạn trả lời những câu hỏi về từ vựng – ngữ pháp.

Bài thi TOEIC cũ

Câu hỏi về từ vựng – ngữ pháp mà manh mối nằm ngay trong câu chứa chỗ trống: 5 câu

Câu hỏi về từ vựng – ngữ pháp đòi hỏi thí sinh nắm được ngữ cảnh quanh câu chứa chỗ trống hoặc trong toàn bài: 7 câu

(Thời gian để trả lời mỗi câu hỏi ở Part 5 đã giảm xuống khoảng 5 giây)

■ Bài thi TOEIC mới

Câu hỏi về từ vựng – ngữ pháp mà manh mối nằm ngay trong câu chứa chỗ trống: 5 câu

Câu hỏi về từ vựng – ngữ pháp đòi hỏi thí sinh nắm được ngữ cảnh quanh câu chứa chỗ trống hoặc trong toàn bài: 7 câu

Câu hỏi yêu cầu chọn câu thích hợp: 4 câu

Chiếm 11 trên tổng số 16 câu hỏi yêu cầu nắm bắt ngữ cảnh trong bài thi TOEIC mới

### Chinh phục Part 6 của bài thi TOEIC Reading mới cùng Hackers TOEIC Start Reading!

- 1) Cung cấp chiến lược cụ thể giúp người học dễ dàng trả lời được dạng câu hỏi “chọn câu thích hợp” trong Part 6  
[Tham khảo] Chiến lược làm bài (tr. 44-49)
- 2) Cung cấp các bài Actual Questions giúp người học làm quen với những câu hỏi thực tế theo dạng thức mới trong Part 6  
[Tham khảo] Day 1 Week 1 (tr. 40-43), Day 2 Week 1 (tr. 58-61),...

# Part 6 TRỌNG TÂM NẴM Ở VIỆC “ĐỌC HIỂU NHANH” VÀ “NẮM BẮT MẠCH VĂN”

## Phân tích chi tiết

Đề thi xuất hiện dạng bài đọc mới đòi hỏi người đọc cần đọc hiểu nhanh

Ba đoạn văn



- Dạng câu hỏi yêu cầu liên kết hai trong số ba đoạn văn để trả lời câu hỏi.
- Bạn cần đọc nhanh nội dung cả ba đoạn, sau đó xác định xem chúng được liên kết với nhau về mặt ngữ cảnh như thế nào.

Chuỗi tin nhắn



- Đề thi sẽ xuất hiện dạng bài đọc có hình thức chuỗi tin nhắn điện thoại, tin nhắn chat giữa hai hoặc nhiều người.
- Bạn cần đọc nhanh nội dung của đoạn hội thoại, sau đó xác định mối quan hệ giữa những người tham gia và ngữ cảnh của cuộc hội thoại.

Đề thi cũng sẽ xuất hiện dạng câu hỏi mới đòi hỏi thí sinh nắm bắt được mạch văn

Câu hỏi nắm bắt ý đồ



- Đây là dạng câu hỏi xác định ý của người nói trong một câu hoặc cụm từ nào đó.
- Bạn cần căn cứ vào mạch văn quanh câu đó cũng như ngữ cảnh của cả bài để nắm được ý đồ của người nói.

Câu hỏi về vị trí của câu văn



- Đây là dạng câu hỏi yêu cầu chọn vị trí thích hợp nhất trong bài để điền một câu văn cho trước.
- Bạn cần nắm được ý nghĩa của câu được cho và ngữ cảnh của toàn bài.

## Chiến lược làm bài

[Ba đoạn văn] Luyện tập cách xác định đoạn văn chứa manh mối cho đáp án đúng bằng khả năng đọc hiểu nhanh

- Trong quá trình ôn luyện, bạn cần đọc nhiều dạng bài đọc khác nhau và trau dồi khả năng đọc hiểu để có thể nhanh chóng nắm được nội dung của ba đoạn văn.
- Luyện tập cách xác định đoạn văn chứa manh mối cho đáp án dựa vào từ khóa của câu hỏi.

[Chuỗi tin nhắn] Luyện tập cách nắm bắt nhanh mạch hội thoại giữa các nhân vật

- Đầu tiên, cần luyện tập cách xác định các nhân vật tham gia hội thoại và mối quan hệ giữa họ, tiếp đó hãy nhanh chóng nắm bắt tình huống hội thoại.
- Luyện tập vừa xác định mục đích của đoạn hội thoại (đặt câu hỏi, đưa ra yêu cầu, chấp thuận, từ chối,...) vừa nắm ngữ cảnh của toàn bài.

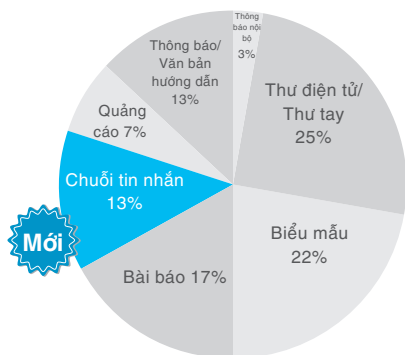
[Câu hỏi nắm bắt ý đồ] Luyện tập cách tìm đáp án đúng dựa vào mạch hội thoại

- Luyện tập cách nắm bắt nhanh mạch văn quanh câu nói đồng thời xác định vai trò của câu đó trong ngữ cảnh của bài.
- Trong đoạn hội thoại có thể xuất hiện những cách diễn đạt thường gặp trong giao tiếp hằng ngày, vì vậy hãy làm quen với những cách diễn đạt như thế.

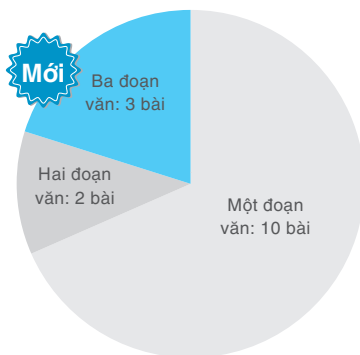
[Câu hỏi về vị trí của câu văn] Luyện tập cách dự đoán mạch văn dựa vào từ khóa

- Luyện tập cách dự đoán nội dung trước và sau câu được cho dựa vào các từ khóa như liên từ hoặc đại từ quan hệ.
- Làm quen với nhiều bài dạng đọc khác nhau để có thể nắm được cách thức triển khai của một số dạng bài nhất định.

■ Tỷ lệ xuất hiện các dạng và các hình thức bài đọc trong Part 7 bài thi TOEIC Reading mới

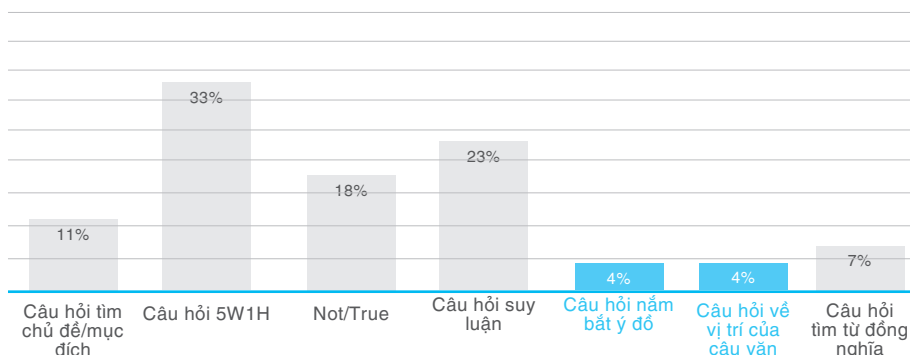


Tỷ lệ xuất hiện các dạng bài đọc



Tỷ lệ xuất hiện các hình thức bài đọc

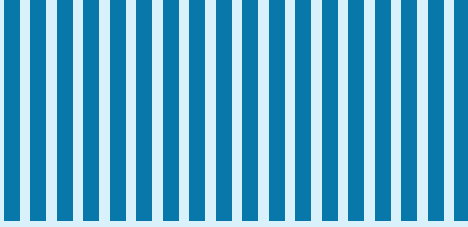
■ Tỷ lệ xuất hiện các dạng câu hỏi trong Part 7 bài thi TOEIC Reading mới



**Chinh phục Part 7 của bài thi TOEIC Reading mới cùng Hackers TOEIC Start Reading!**

- 1) Cung cấp chiến lược giúp người học nhanh chóng nắm được nội dung của chuỗi tin nhắn và ba đoạn văn, kèm theo đó là các câu hỏi thực tế  
[Tham khảo] Chuỗi tin nhắn (p.240-245), ba đoạn văn (tr. 316-317, tr. 334-335,...)
- 2) Cung cấp chiến lược làm bài giúp người học nhanh chóng xác định được đáp án chính xác cho dạng câu hỏi nắm bắt ý đồ và tìm vị trí của câu văn, kèm theo đó là các câu hỏi thực tế  
[Tham khảo] Câu hỏi nắm bắt ý đồ (tr.138-143), câu hỏi về vị trí của câu văn (tr.154-159)





# Bài thi TOEIC theo hình thức mới, hãy bắt đầu cùng Hackers!

Dù bạn đang loay hoay với những thay đổi về cấu trúc và dạng bài của đề thi TOEIC định dạng mới hay đơn giản là gặp khó khăn trong việc học tiếng Anh, Hackers TOEIC Start vẫn sẽ là bộ sách hoàn hảo dành cho bạn.

Học tiếng Anh cũng giống như xây một ngôi nhà, việc đầu tiên bạn cần làm là đảm bảo một nền móng vững chắc bằng cách tích lũy đầy đủ kiến thức và dần nâng cao vốn hiểu biết của mình. Đạt điểm cao trong bài thi TOEIC không quá khó nếu bạn học thực chất thay vì chỉ học mẹo, bởi đây là bài thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh của người học. Hackers TOEIC Start Reading được biên soạn với mục đích nâng cao năng lực tiếng Anh cho những người đang chuẩn bị cho bài thi TOEIC mới, và hơn cả việc đạt được điểm số mong muốn, nó còn giúp bạn xây dựng một nền tảng kiến thức vững chắc.

Cuốn sách dành cho những người bắt đầu tiếp cận bài thi TOEIC mới

Hackers TOEIC Start Reading là giáo trình nhập môn về TOEIC, được ra đời sau quá trình nghiên cứu và phân tích chi tiết bài thi TOEIC định dạng mới nhằm giúp người mới bắt đầu ôn luyện có được sự chuẩn bị tốt nhất. Không chỉ cung cấp kiến thức trọng tâm và căn bản, cuốn sách còn trang bị cho bạn chiến lược làm bài đi kèm các bài tập vận dụng, nhờ đó mà bạn có thể giải quyết các dạng bài đọc và câu hỏi mới xuất hiện trong bài thi TOEIC, đồng thời trình độ tiếng Anh và kỹ năng làm bài của bạn cũng được nâng cao.

Cuốn sách giúp xây dựng nền tảng và nâng cao năng lực tiếng Anh chỉ trong 4 tuần

Hackers TOEIC Start Reading được thiết kế nhằm giúp người học không chỉ nắm vững phần thi Reading mà còn nâng cao trình độ của bản thân thông qua việc củng cố các kiến thức về ngữ pháp - từ vựng - đọc hiểu một cách có hệ thống trong vòng 4 tuần. Bài kiểm tra trình độ ở phần đầu sẽ giúp bạn xác định được một kế hoạch học tập phù hợp với khả năng. Bạn sẽ xây dựng được cho mình nền tảng chắc chắn qua mỗi ngày học nhờ lượng kiến thức được phân bổ hợp lý.

Cuốn sách hữu ích với cả những người ở trình độ sơ cấp

Ngoài điểm nổi bật là những nội dung cập nhật theo cấu trúc mới nhất của bài thi TOEIC, Hackers TOEIC Start Reading còn cung cấp những kiến thức ngữ pháp căn bản theo cách đơn giản hóa đi kèm với những phân tích kỹ lưỡng đối với từng cấu trúc câu, nhờ vậy mà những người học ở trình độ sơ cấp cũng có thể dễ dàng tiếp cận. Ngoài ra, những giải thích cụ thể và dễ hiểu về cách làm đối với từng dạng câu hỏi trong bài thi TOEIC thực sự hữu ích để người học làm quen và luyện tập thành thạo các dạng bài sẽ xuất hiện trong đề thi.

Hackers TOEIC Start Reading là tâm huyết mà đội ngũ Hackers dành tặng các độc giả của mình. Hi vọng bạn có thể nhanh chóng đạt điểm số mong muốn trong bài thi TOEIC cũng như có được một nền tảng kiến thức vững vàng và hữu ích trong cuộc sống sau này.

*David Cho*

# MỤC LỤC

## Giới thiệu

|                                  |    |
|----------------------------------|----|
| Đặc trưng của sách               | 16 |
| Cấu trúc của sách                | 18 |
| Giới thiệu bài thi TOEIC mới     | 22 |
| Dạng thức câu hỏi theo từng phần | 24 |
| Kế hoạch học tập theo trình độ   | 30 |

## Kỹ năng cơ bản

### Grammar

|                             |    |
|-----------------------------|----|
| Thành phần cơ bản trong câu | 38 |
| Năm mẫu câu cơ bản          | 39 |
| Tám loại từ                 | 40 |
| Cụm từ và mệnh đề           | 41 |

### Reading

|            |    |
|------------|----|
| Paraphrase | 42 |
|------------|----|

| Tuần 1 | Grammar – Part 5, 6                                                                                                                              | Vocabulary Part 5, 6   | Reading – Part 6                                              |
|--------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------------------------------------------------------|
| Ngày 1 | [Thành phần câu] Chủ ngữ/Động từ<br>01. Vị trí của chủ ngữ 46<br>02. Vị trí của động từ 50                                                       | Cụm giới từ 52         | Mới! Câu hỏi yêu cầu chọn câu phù hợp 54                      |
| Ngày 2 | [Thành phần câu] Tân ngữ/Bổ ngữ/Từ bổ nghĩa<br>01. Vị trí của tân ngữ 62<br>02. Vị trí của bổ ngữ 64<br>03. Vị trí của từ bổ nghĩa 68            | Cụm tính từ 70         | Reading – Part 7<br>Câu hỏi về chủ đề/mục đích của bài đọc 72 |
| Ngày 3 | [Từ loại] Danh từ<br>01. Vị trí của danh từ 80<br>02. Danh từ đếm được và danh từ không đếm được 82<br>03. Lượng từ đứng trước danh từ 84<br>86  | Cụm động từ 88         | Câu hỏi 5W1H 90                                               |
| Ngày 4 | [Từ loại] Đại từ<br>01. Đại từ nhân xưng 82<br>02. Đại từ chỉ định 84<br>03. Đại từ bất định 86<br>04. Sự hòa hợp giữa đại từ và danh từ 86      | Cụm danh từ 98         | Câu hỏi NOT/TRUE 100                                          |
| Ngày 5 | [Từ loại] Tính từ/Trạng từ<br>01. Vị trí của tính từ 108<br>02. Vị trí của trạng từ 110<br>03. Những tính từ/trạng từ dễ gây nhầm lẫn 112<br>114 | Các cụm từ cố định 118 | Câu hỏi suy luận 118                                          |

| Tuần 2 | Grammar – Part 5, 6                                                                                                                                                                                                                                                       | Vocabulary Part 5, 6    | Reading – Part 6                       |
|--------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------------------------|
| Ngày 1 | [Từ loại] Giới từ<br>01. Vị trí của giới từ 126<br>02. Giới từ chỉ thời gian 128<br>03. Giới từ chỉ nơi chốn 130<br>04. Giới từ chỉ phương hướng 132<br>134                                                                                                               | Từ vựng động từ (1) 136 | Câu hỏi năm bất ý đó Mới! 138          |
| Ngày 2 | [Từ loại] Liên từ<br>01. Liên từ kết hợp và liên từ tương quan 146<br>02. Liên từ phụ thuộc 148<br>150                                                                                                                                                                    | Từ vựng động từ (2) 152 | Câu hỏi về vị trí câu văn 154          |
| Ngày 3 | [Cụm động từ] Dạng thức và các loại động từ<br>01. Dạng thức của động từ 162<br>02. Nội động từ và ngoại động từ 164<br>166                                                                                                                                               | Từ vựng động từ (3) 168 | Câu hỏi tìm từ đồng nghĩa 170          |
| Ngày 4 | [Cụm động từ] Sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ<br>01. Sự hòa hợp giữa chủ ngữ số ít và động từ chia ở dạng số ít. 178<br>02. Sự hòa hợp giữa chủ ngữ số nhiều và động từ chia ở dạng số nhiều. 180<br>182<br>03. Sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ mà ta cần lưu ý 184 | Từ vựng động từ (4) 186 | Thư điện tử/Thư tín (Email/Letter) 168 |
| Ngày 5 | [Cụm động từ] Thì của động từ<br>01. Hiện tại/Quá khứ/Tương lai 196<br>02. Hiện tại tiếp diễn/Quá khứ tiếp diễn/Tương lai tiếp diễn 198<br>200<br>03. Hiện tại hoàn thành/Quá khứ hoàn thành/Tương lai hoàn thành 202                                                     | Từ vựng động từ (5) 204 | Biểu mẫu (Form) 206                    |

Sách giải 

Đáp án 393

Dịch nghĩa – Giải thích 398

| Tuần 3 |                                                                                                                                                                                                               | Grammar – Part 5, 6      | Vocabulary – Part 5, 6  | Reading – Part 6                                            |
|--------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-------------------------|-------------------------------------------------------------|
| Ngày 1 | [Cụm động từ] Thể chủ động và thể bị động<br>01. Phân biệt thể chủ động và thể bị động<br>02. Các cặp từ thường đi với nhau trong thể bị động                                                                 | 214<br>216<br>218        | Từ vựng danh từ (1) 220 | Bài báo (Article & Review) 222                              |
| Ngày 2 | [Cụm động từ] Câu giả định<br>01. Câu giả định thì quá khứ<br>02. Câu giả định thì quá khứ hoàn thành<br>03. Câu giả định thì tương lai                                                                       | 230<br>232<br>234<br>236 | Từ vựng danh từ (2) 238 | Chuỗi tin nhắn (Text Message Chain) 240                     |
| Ngày 3 | [Các dạng thức của động từ] Động từ nguyên mẫu có “to”<br>01. Vị trí của động từ nguyên mẫu có “to”<br>02. Vai trò của động từ nguyên mẫu có “to”<br>03. Những động từ cần đi cùng động từ nguyên mẫu có “to” | 248<br>250<br>252<br>254 | Từ vựng danh từ (3) 256 | Quảng cáo (Advertisement) 258                               |
| Ngày 4 | [Các dạng thức của động từ] Danh động từ<br>01. Vị trí và vai trò của danh động từ<br>02. Những động từ cần đi cùng danh động từ<br>03. Những cụm từ cố định bao gồm danh động từ                             | 262<br>268<br>270<br>272 | Từ vựng danh từ (4) 274 | Thông báo/Hướng dẫn (Notice & Announcement/Information) 275 |
| Ngày 5 | [Các dạng thức của động từ] Phân từ<br>01. Vị trí và vai trò của phân từ<br>02. Mệnh đề phân từ<br>03. Hiện tại phân từ và quá khứ phân từ                                                                    | 284<br>286<br>288<br>290 | Từ vựng tính từ (1) 292 | Thông báo nội bộ (Memo) 294                                 |

| Tuần 4 |                                                                                                      | Grammar – Part 5, 6 | Vocabulary – Part 5, 6   | Reading – Part 6                                 |
|--------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|--------------------------|--------------------------------------------------|
| Ngày 1 | [Mệnh đề] Mệnh đề danh ngữ<br>01. Vị trí của mệnh đề danh ngữ<br>02. Liên từ của mệnh đề danh ngữ    | 302<br>304<br>306   | Từ vựng tính từ (2) 308  | Cụm câu hỏi liên quan đến email (thư từ) 310     |
| Ngày 2 | [Mệnh đề] Mệnh đề trạng ngữ<br>01. Vị trí của mệnh đề trạng ngữ<br>02. Liên từ của mệnh đề trạng ngữ | 320<br>322<br>324   | Từ vựng tính từ (3) 326  | Cụm câu hỏi liên quan đến các mẫu đơn 328        |
| Ngày 3 | [Mệnh đề] Mệnh đề quan hệ<br>01. Vị trí của mệnh đề quan hệ<br>02. Đại từ quan hệ                    | 338<br>340<br>342   | Từ vựng trạng từ (1) 344 | Cụm câu hỏi liên quan đến các bài báo 346        |
| Ngày 4 | [Mệnh đề đặc biệt] Câu so sánh<br>01. So sánh hơn kém<br>02. So sánh hơn nhất                        | 356<br>358<br>360   | Từ vựng trạng từ (2) 362 | Cụm câu hỏi liên quan đến các đoạn quảng cáo 364 |
| Ngày 5 | [Mệnh đề đặc biệt] Câu song song/Câu đảo ngữ<br>01. Câu song song<br>02. Câu đảo ngữ                 | 374<br>376<br>378   | Từ vựng trạng từ (3) 380 | Cụm câu hỏi liên quan đến các thông báo 382      |

## ĐẶC TRƯNG CỦA SÁCH

### 01

#### | Bám sát cấu trúc của bài thi TOEIC Reading mới

Cuốn sách được biên soạn sau quá trình nghiên cứu và phân tích chi tiết về bài thi TOEIC Reading định dạng mới. **Hackers TOEIC Start Reading** giúp người học có thể nâng cao trình độ tiếng Anh cũng như chuẩn bị tốt nhất cho bài thi TOEIC Reading.

### 02

#### | Phù hợp với những người mới tiếp cận bài thi TOEIC

Nội dung rất phù hợp cho những người đang ở trình độ tiếng Anh sơ cấp có mong muốn tiếp cận bài thi TOEIC. Cuốn sách được thiết kế nhằm giúp người học không chỉ nắm vững kiến thức cần cho phần thi Reading mà còn nâng cao trình độ tiếng Anh thông qua việc học ngữ pháp - từ vựng - đọc hiểu một cách có hệ thống.

### 03

#### | Hoàn thiện kiến thức ngữ pháp – từ vựng – đọc hiểu cơ bản cho bài thi TOEIC Reading trong 4 tuần

Lượng kiến thức cơ bản về ngữ pháp – từ vựng – đọc hiểu được phân bổ hợp lý trong 4 tuần giúp người học từng bước củng cố nền tảng kiến thức chắc chắn. Ngoài ra, nếu luyện tập chăm chỉ theo kế hoạch học tập được gợi ý, bạn có thể đạt được trình độ trung cấp trong bài thi TOEIC Reading.

### 04

#### | Kết hợp các kiến thức về ngữ pháp – từ vựng – đọc hiểu phù hợp cho người mới bắt đầu

Các kiến thức về ngữ pháp – từ vựng – đọc hiểu được kết hợp hài hòa và phân bổ theo từng ngày giúp người học từng bước phát triển đồng đều các kỹ năng.

## 05

| Phần kiến thức cơ bản dành riêng cho người hoàn toàn chưa biết gì về tiếng Anh

Phần Kiến thức cơ bản cần nắm rõ ở phần đầu sách và mục Ngữ pháp cơ bản trước mỗi bài học được thiết kế dành riêng cho người hoàn toàn chưa biết gì về tiếng Anh có thể học các kiến thức cơ bản một cách dễ dàng và thú vị.

## 06

| Cung cấp phần dịch nghĩa và giải thích chi tiết

Với mỗi dạng bài và dạng câu hỏi, cuốn sách đều cung cấp phần giải thích chi tiết và đưa ra chiến lược làm bài tương ứng. Không những thế, từng câu ví dụ đều được phân tích thành phần ngữ pháp để người học hiểu và nắm được cấu trúc câu. Bạn cũng sẽ dễ dàng theo dõi các nội dung quan trọng hơn nhờ cách trình bày có sử dụng màu sắc, in đậm, gạch chân những phần cần lưu ý.

## 07

| Phù hợp với những người bắt đầu luyện tập kỹ năng nghe trong bài thi TOEIC

Cuốn sách bao gồm những kiến thức cơ bản về việc phát âm và ngữ pháp dành cho người học ở trình độ tiếng Anh sơ cấp và những người mới lần đầu tiếp xúc với bài thi TOEIC. Trước khi bắt tay vào luyện tập các phần thi, người học có thể tích lũy những kiến thức cơ bản này trước.

## 08

| Cung cấp phụ lục, dịch nghĩa và giải thích

Các phần phụ lục, dịch nghĩa và giải thích đáp án được biên soạn chi tiết dựa trên chiến lược làm bài đã đặt ra trước đó. Ngoài ra, phụ lục này cũng bao gồm phần dịch nghĩa bài nghe để người học có thể hiểu rõ cấu trúc câu được sử dụng. Các manh mối giúp lựa chọn đáp án đúng cũng được cung cấp cụ thể nên việc tự học sẽ vô cùng dễ dàng.

# CẤU TRÚC CỦA SÁCH

## GRAMMAR

**Ngữ pháp cơ bản**

Đây là phần nhắc lại những kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp. Người học sẽ được củng cố kiến thức trước khi bắt đầu đi vào các cấu trúc ngữ pháp thường gặp trong bài thi TOEIC.

**Tổng quan**

Đây là bước chuẩn bị để bắt đầu bài học. Phần này đưa ra ví dụ và giải thích một cách đơn giản, dễ hiểu các nội dung ngữ pháp trọng điểm trong bài.

**Practice**

Trong phần này, người học sẽ luyện tập các kiến thức vừa học ở phần Hackers Point bằng việc trả lời những câu hỏi đơn giản trước khi đi vào giải quyết các câu hỏi thực tế.

**Hackers Point**

Đây là những nội dung ngữ pháp trọng tâm. Các chủ điểm ngữ pháp sẽ xuất hiện trong đề thi TOEIC sẽ được giải thích chi tiết kèm ví dụ minh họa.

**Actual Questions**

Trong phần này, người học sẽ áp dụng những kiến thức đã học trong phần Hackers Point để kiểm tra trình độ bản thân thông qua các dạng câu hỏi thường xuất hiện trong bài thi thực tế.

VOCABULARY

Vocabulary Part 3, 6 CỤM GIỚI TỪ Day 1, Week 1

**Unit 1000: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1001: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1002: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1003: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1004: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1005: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1006: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1007: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1008: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1009: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1010: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1011: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1012: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1013: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1014: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1015: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1016: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1017: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1018: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1019: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1020: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1021: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1022: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1023: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1024: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1025: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1026: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1027: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1028: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1029: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1030: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1001: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1002: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1003: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1004: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1005: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1006: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1007: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1008: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1009: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1010: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1011: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1012: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1013: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1014: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1015: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1016: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1017: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1018: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1019: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1020: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1021: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1022: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1023: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1024: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1025: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1026: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1027: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1028: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1029: Từ vựng theo chủ đề**

**Unit 1030: Từ vựng theo chủ đề**

**Practice**

Chọn từ đúng trong ngoặc để hoàn thành các câu sau.

(1) The letter **write** has been (X), (Y), (Z) effect for her days.

(2) Please **describe** the problem (A), (B), (C) detail.

(3) All staff must **carry** their ID cards (A), (B), (C) always.

(4) **Write** down the list of names on the first page, the report is ready for publication.

**Practice**

Ở phần này, người học sẽ vận dụng những từ vựng vừa học để trả lời các câu hỏi đơn giản trước khi đi vào giải quyết các câu hỏi thực tế.

**Actual**

**Questions** Chọn đáp án thích hợp để điền vào chỗ trống.

(1) Despite the hot weather, the plane **take** (A) the candidate did not get the job as a result of his **inexperience**.

(A) experience (B) inexperience (C) change (D) result

(C) experience (D) request (E) feedback (F) join

**Questions 07-09 refer to the following advertisement.**

The Shore Beach Hotel is the place to stay if you plan to have a vacation in this sunny **Beachside**. We offer an **environment** beautiful to all our guests at no **charge**. Laxely, the **cleaning** and a **great** things are provided upon **request**. Please come to our **Web site** for a full list of the services we offer in addition to information on room **availability** and prices.

To make a booking, please fill out our online reservation form or call 855-0493.

(A) delay (B) cost (C) request (D) arrival (E) The guest opening will be announced soon.

(F) request (G) removal (H) We've recently unveiled an expansion plan.

(I) It also has weekly special rates.

(J) The hotel sector is experiencing strong growth.

**Học từ vựng qua truyện đọc**

Phần này giúp người học bổ sung những từ vựng cần thiết cho bài thi TOEIC thông qua mẫu truyện đọc hài hước và thú vị.

**Từ vựng trọng tâm**

Đây là phần tổng kết những từ vựng đã xuất hiện trong truyện đọc và được minh họa một câu ví dụ có hình thức gần với các câu trong đề TOEIC.

**Actual Questions**

Trong phần này, người học sẽ áp dụng những từ vựng vừa học được để kiểm tra trình độ của bản thân thông qua các dạng câu hỏi thường xuất hiện trong bài thi thực tế.

# CẤU TRÚC CỦA SÁCH

## READING

**Reading Part 1** **CAU HỎI YÊU CẦU CHỌN CÂU PHỤ HỢP** **Day 1 (Week 1)**

Đây là dạng câu hỏi yêu cầu thí sinh chọn câu trả lời phù hợp để điền vào chỗ trống trong bài đọc.

**Đọc hiểu và chọn câu trả lời phù hợp**

Đang chờ nội dung bài đọc và câu hỏi để điền vào chỗ trống trong Part 1. Bài đọc được chia thành các đoạn văn và câu hỏi yêu cầu thí sinh chọn câu trả lời phù hợp để điền vào chỗ trống. Các câu hỏi được chia thành hai loại: chọn một câu trả lời và chọn nhiều câu trả lời.

**Chọn một câu trả lời**

Đọc hiểu và chọn câu trả lời phù hợp để điền vào chỗ trống trong bài đọc. Các câu hỏi được chia thành hai loại: chọn một câu trả lời và chọn nhiều câu trả lời.

**Chọn nhiều câu trả lời**

Đọc hiểu và chọn nhiều câu trả lời phù hợp để điền vào chỗ trống trong bài đọc. Các câu hỏi được chia thành hai loại: chọn một câu trả lời và chọn nhiều câu trả lời.

**Các dạng câu hỏi thường gặp và chiến lược làm bài**

Phần này đưa ra những dạng câu hỏi thường gặp trong đề thi và cung cấp chiến lược hiệu quả để giải quyết dạng câu hỏi đó.

**Áp dụng chiến lược**

Đọc hiểu và chọn câu trả lời phù hợp để điền vào chỗ trống trong bài đọc. Các câu hỏi được chia thành hai loại: chọn một câu trả lời và chọn nhiều câu trả lời.

**Áp dụng chiến lược**

Đọc hiểu và chọn câu trả lời phù hợp để điền vào chỗ trống trong bài đọc. Các câu hỏi được chia thành hai loại: chọn một câu trả lời và chọn nhiều câu trả lời.

**Áp dụng chiến lược**

Ở phần này, người học được làm quen với các bài đọc và câu hỏi sẽ xuất hiện trong bài thi TOEIC thực tế. Ngoài phần dịch nghĩa tiếng Việt, bạn sẽ được thực hành cách áp dụng chiến lược làm bài theo từng bước.

**Reading Part 2** **Paraphrasing Practice** **Day 2 (Week 1)**

Chọn đáp án thích hợp để tạo thành câu văn có ý nghĩa gần nhất với câu đã cho.

**Paraphrasing Practice**

Trong phần này, người học phải tìm từ hoặc một câu có nghĩa gần nhất với câu cho sẵn, qua đó rèn luyện kỹ năng paraphrase – một kỹ năng quan trọng trong phần đọc hiểu.

**Actual Questions**

Đọc hiểu và chọn câu trả lời phù hợp để điền vào chỗ trống trong bài đọc. Các câu hỏi được chia thành hai loại: chọn một câu trả lời và chọn nhiều câu trả lời.

**Actual Questions**

Trong phần này, người học sẽ áp dụng các chiến lược làm bài để kiểm tra trình độ của bản thân thông qua việc giải quyết các câu hỏi gắn với bài thi thực tế.

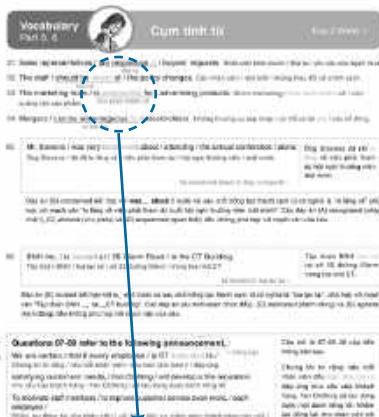


## DỊCH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH



### Giải thích

Đây là phần giải thích cụ thể và dễ hiểu cách giải quyết từng dạng câu hỏi.



### Đáp án đúng và mạnh mẽ

Đáp án đúng sẽ được in màu xanh lá, ngoài ra còn có phần chú thích những mạnh mẽ giúp xác định đáp án đúng.



### Phân tích thành phần ngữ pháp

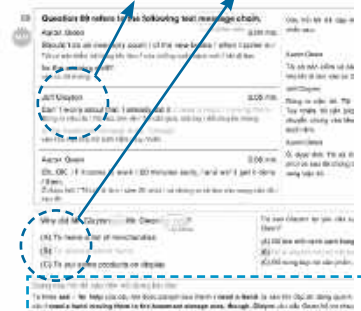
Phân tích và diễn giải sát nghĩa từng thành phần ngữ pháp trong câu, giúp người học có thể hiểu chính xác cấu trúc của câu.

### Phân tích

Khung bên phải đưa ra phần dịch nghĩa có văn phong dễ hiểu và thuần Việt hơn. Những nội dung tương ứng với đáp án đúng được đánh dấu bằng màu xanh lá.

### Đáp án đúng và mạnh mẽ

Từ khóa để tìm ra đáp án đúng được khoanh tròn kèm theo chú thích, những nội dung là mạnh mẽ cho đáp án sẽ được in màu xanh lá để người học dễ nhận biết.



### Giải thích




Đây là phần giải thích chi tiết về phương pháp làm bài, bao gồm các bước xác định dạng câu hỏi, từ khóa trong câu hỏi và những phần đã được paraphrase giúp liên kết nội dung bài đọc để tìm ra đáp án chính xác.

# GIỚI THIỆU VỀ BÀI THI TOEIC MỚI

## TOEIC là gì?

TOEIC, viết tắt của cụm từ Test of English for International Communication, là một bài thi đánh giá trình độ sử dụng tiếng Anh với trọng tâm là đánh giá khả năng giao tiếp của thí sinh. Bài thi dành cho những người học tiếng Anh như một ngôn ngữ thứ hai, đặc biệt là các đối tượng muốn sử dụng tiếng Anh trong môi trường quốc tế. Kết quả của bài thi TOEIC được sử dụng để đánh giá mức độ thành thạo khi giao tiếp bằng tiếng Anh nơi công sở (tuyển dụng, mua bán sản phẩm, hợp đồng, v.v.) hoặc trong đời sống sinh hoạt hằng ngày (văn hóa, sức khỏe, v.v.).

## Cấu tạo bài thi TOEIC kiểu mới

| Cấu trúc                        | Nội dung | Số lượng câu hỏi                                                                                                                   | Thời gian                                                                | Điểm     |          |
|---------------------------------|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|----------|----------|
| Listening Test                  | Part 1   | Mô tả tranh                                                                                                                        | 6 câu                                                                    | 45 phút  | 495 điểm |
|                                 | Part 2   | Hỏi và trả lời                                                                                                                     | 25 câu                                                                   |          |          |
|                                 | Part 3   | Hội thoại ngắn                                    | 39 câu, 13 cụm                                                           |          |          |
|                                 | Part 4   | Bài nói ngắn                                      | 30 câu, 10 cụm                                                           |          |          |
| Reading Test                    | Part 5   | Hoàn thành câu (Ngữ pháp/Từ vựng)                                                                                                  | 30 câu                                                                   | 75 phút  | 495 điểm |
|                                 | Part 6   | Hoàn thành đoạn văn (Ngữ pháp/Từ vựng/Mệnh đề)  | 16 câu, 4 cụm                                                            |          |          |
|                                 | Part 7   | Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi (Đọc hiểu)                                                                                         | 54 câu, 15 cụm<br>- 29 câu, 10 cụm<br>- 10 câu, 2 cụm<br>- 15 câu, 3 cụm |          |          |
| - Một đoạn văn (Single Passage) | 7 Parts  | 200 câu                                                                                                                            | 120 phút                                                                 | 990 điểm |          |

- Số lượng câu hỏi của Part 1 từ 10 câu giảm xuống còn 6 câu.
- Số lượng câu hỏi của Part 2 từ 30 câu giảm xuống còn 25 câu.
- Số lượng câu hỏi của Part 3 sẽ tăng từ 30 câu (10 cụm) lên thành 39 câu (13 cụm), bổ sung thêm “câu hỏi nắm bắt ý đồ của người nói” và “câu hỏi đi kèm tài liệu trực quan”. Ngoài ra, thay vì chỉ có hội thoại giữa hai người thì Part 3 của bài thi TOEIC theo định dạng mới sẽ có cả những hội thoại giữa ba nhân vật.
- Part 4 cũng sẽ bổ sung thêm “câu hỏi nắm bắt ý đồ của người nói” và “câu hỏi đi kèm tài liệu trực quan”.

## Hỏi đáp về kỳ thi TOEIC

### 1. Thi TOEIC ở đâu?

Hiện nay, IIG là đơn vị duy nhất được Viện khảo thí giáo dục Mỹ ETS ủy quyền cho tổ chức thi và cấp chứng chỉ kết quả bài thi TOEIC tại Việt Nam. Thí sinh muốn đăng ký dự thi có thể đến đăng ký trực tiếp tại văn phòng IIG ở các địa chỉ sau:

Văn phòng Hà Nội

Tầng 3, Trung Yên Plaza, số 1 Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: (024) 3649 5999

Email: info@igvietnam.com

Văn phòng Đà Nẵng

Số 19 Hoàng Văn Thụ, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: (0236) 3565 888 Fax: (0236) 3565 154

Email: danang@igvietnam.com

Văn phòng Tp. Hồ Chí Minh

Lầu 8, tòa nhà số 538, đường Cách Mạng Tháng Tám, P.11, Q.3, Thành phố Hồ Chí Minh

Tel: (028)3990 5888 Fax: (028)3990 5999

Email: saigon@igvietnam.com

### 2. Thủ tục đăng ký dự thi như thế nào?

Theo quy định, thí sinh dự thi phải đến trực tiếp văn phòng IIG để đăng ký và không được nhờ người khác đăng ký hộ. Khi đi đăng ký, thí sinh cần mang theo:

- 3 ảnh thẻ 3x4 chụp không quá 3 tháng (sau mỗi ảnh ghi rõ: Họ tên, ngày sinh, số CMT)
- Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu gốc (còn nguyên gốc của công an, không ép lùa, ép dẻo)
- Lệ phí thi: 990.000 VNĐ

### 3. Phiếu điểm TOEIC có hiệu lực trong vòng bao lâu?

Phiếu điểm TOEIC có giá trị trong 2 năm.

Nếu thí sinh tham gia thi theo tổ chức, kết quả sẽ được gửi tới cơ quan chủ quản. Nếu tham gia theo hình thức cá nhân, thí sinh sẽ nhận kết quả trực tiếp tại văn phòng IIG Việt Nam hoặc đăng ký dịch vụ gửi phiếu điểm bằng thư đảm bảo.

# DẠNG THỨC CÂU HỎI THEO TỪNG PHẦN

## Part 5 HOÀN THÀNH CÂU

Part 5 yêu cầu thí sinh lựa chọn đáp án đúng trong 4 phương án đưa ra để điền vào chỗ trống trong câu sao cho phù hợp về ngữ nghĩa hoặc ngữ pháp. Part 5 có tất cả 30 câu hỏi (từ câu 101 đến 130), trong đó có khoảng 20 câu hỏi về ngữ pháp và 10 câu hỏi về từ vựng. chính xác nhất nội dung trong tranh. Part 1 có tổng cộng 6 bức ảnh, được đánh số câu từ 1 đến 6.

### 1. Câu hỏi về ngữ pháp

Trong đề sẽ xuất hiện dạng câu hỏi về cấu trúc câu và các kiến thức khác liên quan đến ngữ pháp tiếng Anh.

101. The \_\_\_\_\_ made by researchers in recent years have doctors hopeful that a cure for the illness may soon be found.
- (A) advance  
(B) advances  
(C) advanced  
(D) advancing

Giải thích 101. Câu hỏi liên quan đến vị trí của chủ ngữ

Vì từ cần điền đứng sau mạo từ xác định The và đóng vai trò chủ ngữ trong câu nên các danh từ ở đáp án (A) và (B) cũng như danh động từ ở đáp án (D) đều có thể điền được vào chỗ trống. Tuy nhiên, do động từ have được chia ở dạng số nhiều nên (B) advances (các tiến bộ) là đáp án đúng.

### 2. Câu hỏi về từ vựng

Đây là dạng câu hỏi yêu cầu thí sinh lựa chọn từ vựng phù hợp với nghĩa của cả câu hoặc từ vựng có thể kết hợp với những từ quanh chỗ trống để tạo thành một cụm từ.

102. Mid-Atlantic Airways reserves the \_\_\_\_\_ to cancel a booking if payment is not received on time.
- (A) advance  
(B) advances  
(C) advanced  
(D) advancing

Giải thích 102. Ngữ cảnh của câu văn này là “Nếu không thanh toán tiền đúng hạn thì hãng hàng không Mid-Atlantic sẽ có \_\_\_ huỷ đặt chỗ”. Do đó, (D) right (quyền lợi, quyền hạn) là đáp án đúng. Ngoài ra, cụm từ reserve the right cũng có nghĩa là “có quyền làm gì đó”.

## Part 6 HOÀN THÀNH ĐOẠN VĂN

Part 6 yêu cầu thí sinh lựa chọn đáp án đúng trong 4 phương án đưa ra để điền vào một trong 4 chỗ trống sao cho phù hợp về ngữ nghĩa hoặc ngữ pháp. Part 6 gồm có bốn đoạn văn với 16 câu hỏi (từ câu 131 đến 146), trong đó có cả dạng câu hỏi yêu cầu chọn câu hoặc từ vựng phù hợp để điền vào chỗ trống.

### Questions 131-134 refer to the following e-mail.

From: Nancy Hale <nhatle@gearstore.com>

To: All store managers

The purpose of this e-mail is to clarify our store's refund policy. While some of our products include a money-back guarantee, it cannot be extended past 60 days. Doing so <sup>131</sup> losses and affects our financial situation. This is why the store managers <sup>132</sup> to enforce this refund policy more strictly from now on. After the 60-day period, customers who wish to return <sup>133</sup> or faulty merchandise should reach out to the manufacturer directly. <sup>134</sup>. If you have any questions or concerns, feel free to reply to me through this e-mail address.

Từ vựng 131 (A) inquires  
(C) incurs

(B) integrates  
(D) infringes

Từ vựng 133 (A) affective  
(B) objective  
(C) positive  
(D) defective

Ngữ pháp 132 (A) needs  
(C) is needed

(B) need  
(D) has needed

Chọn câu văn 134 (A) Provide the necessary contact information upon request.  
(B) Some merchandise is guaranteed for only 30 days.  
(C) Managers will reduce the prices of some services.  
(D) These products will be on sale for two months.

#### Giải thích

131. Nghĩa của câu có chứa chỗ trống là "Làm vậy sẽ \_\_\_\_ tổn thất và ảnh hưởng tới tình hình tài chính của chúng ta". Vậy, từ phù hợp nhất để điền vào chỗ trống sẽ là (C) incurs (gây ra).
132. Câu hỏi về sự đồng nhất giữa chủ ngữ số nhiều và động từ chia ở dạng số nhiều. Chủ ngữ the store managers (các quản lý của cửa hàng) là danh từ số nhiều nên động từ cũng phải được chia ở dạng số nhiều. Do đó, (B) need là đáp án đúng. Các đáp án (A) needs, (C) is needed và (D) has needed đều là động từ chia ở dạng số ít.
133. Nghĩa của câu có chứa chỗ trống là "Những khách hàng muốn đổi trả các sản phẩm \_\_\_\_ hoặc hỏng hóc phải liên hệ trực tiếp với nhà sản xuất". Do đó, từ phù hợp để điền vào chỗ trống sẽ là (D) defective (bị lỗi).
134. Đây là dạng câu hỏi yêu cầu chọn câu phù hợp để điền vào chỗ trống, ta cần xác định ngữ cảnh ở quanh khu vực có chứa chỗ trống. Câu văn trước đó customers who wish to return ~ faulty merchandise should reach out to the manufacturer directly cho biết khách hàng muốn đổi trả những sản phẩm bị lỗi hoặc hỏng hóc sẽ phải trực tiếp liên lạc tới công ty sản xuất. Qua đó, ta có thể xác định được rằng nội dung để cập tới việc hãy cung cấp thông tin liên lạc cần thiết theo yêu cầu là phù hợp với mạch văn của câu. Vì vậy, đáp án đúng là (A) Provide the necessary contact information upon request.

# DẠNG THỨC CÂU HỎI THEO TỪNG PHẦN

## Part 7 ĐỌC ĐOẠN VĂN VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI

Part 7 đã xuất hiện dạng bài đọc gồm nhiều đoạn văn. Đây là phần thi yêu cầu thí sinh lựa chọn đáp án phù hợp nhất trong số 4 phương án đưa ra để trả lời những câu hỏi có liên quan tới đoạn văn cho trước. Dạng bài đọc một đoạn văn bao gồm các câu hỏi từ 147 đến 175, dạng bài đọc hai đoạn văn gồm các câu từ 176 đến 185 và ba đoạn văn bao gồm các câu hỏi từ 186 đến 200.

### 1. Bài đọc một đoạn văn (Single Passage)

Dạng bài đọc một đoạn văn xuất hiện dưới nhiều hình thức như: thư tay, quảng cáo, bài báo, thông báo, chuỗi tin nhắn điện thoại; mỗi bài sẽ bao gồm 2-4 câu hỏi.

#### Questions 153-154 refer to the following letter

Dear Mr. Hart,

I am writing to you in regard to the mountain bicycle (Model S031) you ordered on July 10. Since the item is out of stock, we are currently unable to fill this order. We have contacted the suppliers, and they have informed us that the initial supply of the model is sold out, and we are unlikely to receive further stock for at least four weeks. We placed this item on backorder and are working with the suppliers to obtain new stock as soon as possible

153 What is the purpose of the letter?

- (A) To cancel a previous request
- (B) To inquire about an item's availability
- (C) To explain the status of an order
- (D) To obtain information about a product

Giải thích 153. Câu hỏi tìm chủ đề/mục đích

Đây là câu hỏi về mục đích của bức thư, ta cần đọc kỹ phần đầu đoạn văn. Câu đầu tiên của bức thư cho biết người viết muốn đề cập tới chiếc xe đạp leo núi được đặt hàng vào ngày 10 tháng Bảy, sau đó người này giải thích rằng do sản phẩm được đặt đã cháy hàng nên họ không thể xử lý đơn hàng đó. Từ đây, ta có thể xác định lá thư này được viết nhằm giải thích về tình hình xử lý đơn hàng. Đáp án (C) To explain the status of an order (để giải thích tình trạng của đơn hàng) sẽ là câu trả lời đúng.

## 2. Bài đọc hai đoạn văn (Double Passage)

Để thi sẽ có hai bài đọc dạng hai đoạn văn với tổng cộng 10 câu hỏi. Các đoạn văn được đưa ra dưới hình thức bức thư, thông báo, quảng cáo, bài báo,... có nội dung liên quan với nhau. Trong 5 câu hỏi, sẽ có 1-2 câu đòi hỏi thí sinh phải liên kết thông tin trong hai đoạn để tìm manh mối lựa chọn đáp án đúng.

**Questions 181-185 refer to the following e-mail and information.**

From: Tom Lee <tomlee@kmnsystem.com>

To: Kevin Clark <kclark@directcar.com>

Subject: DirectCar Warranty

Date: November 9

Dear Mr. Clark,

I purchased a DirectCar warranty two years ago when I bought my car. Last week when the vehicle broke down on the road, I called for roadside assistance and my car was towed to the nearest service center. I paid \$850 for this repair out of my own pocket, but according to the provisions of my warranty contract, the amount paid for this repair can be covered. Therefore, I ask that you reimburse the costs listed below:

Towing service: \$80 / Flat tire service: \$600 / Car rental (1 day): \$140 / Battery boost: \$30

### DirectCar Warranty

Our extended warranties include mechanical breakdowns, as well as wear-and-tear damage. Claims are paid directly to the repair facility with our corporate credit card. There is no limit on the number of claims you may have. Also, all of our warranties include free roadside assistance. This covers: towing costs (up to \$100), lost key/lockout service, flat tire service, car rental (up to 5 days per claim)

- 181 What expense reported by Mr. Lee will NOT be reimbursed?
- (A) The towing service payment
  - (B) The battery boost charge
  - (C) The cost of the rental car
  - (D) The flat tire replacement fee

Giải thích

181. Câu hỏi NOT/TRUE

Đây là câu hỏi về khoản chi phí mà ông Lee sẽ không được hoàn trả, trước tiên ta cần xác định nội dung email mà ông Lee đã gửi. Trong email, ông Lee yêu cầu được hoàn trả toàn bộ các chi phí (Towing service: \$80 / Flat tire service: \$600 / Car rental (1 day): \$140 / Battery boost: \$30). Nhưng vì đây là câu hỏi về khoản phí mà ông ấy sẽ không được hoàn lại nên ta cần xem trong đoạn văn thứ hai để xác định mục nào có thể được bồi hoàn. Đoạn thứ hai cho biết những khoản chi phí như towing costs (up to \$100), lost key/lockout service, flat tire service, car rental (up to 5 days per claim) nằm trong dịch vụ cứu hộ trên đường. Trong số các chi phí mà ông Lee yêu cầu bồi hoàn, chỉ có Battery boost không thuộc hạng mục dịch vụ cứu hộ trên đường, vậy đáp án đúng là (B) The battery boost charge.

# DẠNG THỨC CÂU HỎI THEO TỪNG PHẦN



## 3. Bài đọc ba đoạn văn (Triple Passage)

Đề thi sẽ có ba bài đọc dạng ba đoạn văn với tổng cộng 15 câu hỏi. Các đoạn văn được đưa ra dưới hình thức một bức thư, thông báo, quảng cáo, bài báo,... có nội dung liên quan với nhau. Trong 5 câu hỏi, sẽ có 1-2 câu thuộc dạng câu hỏi liên kết, thí sinh sẽ phải tìm manh mối từ hai trong số ba đoạn văn để có thể lựa chọn được đáp án đúng.

### Questions 153-154 refer to the following letter

ANNOUNCEMENT: All Customers

Justinian Art Supplies will close early this coming Tuesday on March 5. From 4 p.m. a special art show will take place until 9 P.M. featuring a local painter. Regular hours of 10 a.m. to 6 p.m. will resume on Wednesday. For information on the upcoming show, and other events sponsored by Justinian Art

Supplies, pick up a flyer at our service counter. Thank you for your cooperation.

An exhibit by local artist Sheena Ling was held on March 5 at Justinian Art Supplies. Ling's current painting collection features detailed portraits in classic styles. Prices for the works ranged from \$900 up through \$3,000, which is very reasonable for interested art investors or collectors. Several of Ling's best works have already been sold, but some are still available. All artwork will only be displayed at Justinian Art Supplies until the end of the month. Visit the shop's exhibit space today to see these amazing works while you still can.

JUSTINIAN ART SUPPLIES: Information for buyers:

1. Please pick up catalogs at the front desk. They include cost information.
2. Circle the codes of the item(s) listed in the catalog that you are interested in purchasing.
3. Return with your catalogs to our service counter. Once payment is made, a red dot will be displayed indicating an item is sold.
4. Purchases must be paid for in full for a red dot to be displayed. Checks, cash, and credit cards are accepted. Make checks payable to Justinian Art Supplies.
5. Purchases must be removed from the exhibit space by April 1.
6. All works of art are issued with official certificates of authenticity.



- 186 At what time did Ms. Ling's show begin on Tuesday?
- (A) At 10:00 A.M.
  - (B) At 4:00 P.M.
  - (C) At 6:00 P.M.
  - (D) At 9:00 P.M.

Giải thích 186. Câu hỏi 5W1H

Đây là câu hỏi về thời gian bắt đầu buổi triển lãm của bà Ling vào thứ Ba, ta cần tìm những thông tin về buổi triển lãm này trong bài báo. Câu An exhibit by local artist Sheena Ling was held on March 5 at Justinian Art Supplies trong đoạn thứ hai cho biết buổi triển lãm của bà Ling được tổ chức tại Justinian Art Supplies vào ngày 5 tháng Ba. Vì chưa đủ manh mối để chọn ra đáp án đúng, ta cần tìm thêm manh mối trong đoạn văn thứ nhất. Đây cũng chính là đoạn có khả năng cho ta biết thêm thông tin về Justinian Art Supplies. Từ câu Justinian Art Supplies will close early this coming Tuesday on March 5 và From 4 P.M., a special art show will take place, ta có có được manh mối thứ hai, đó là Justinian Art Supplies sẽ đóng cửa sớm vào thứ Ba ngày 5 tháng Ba và một triển lãm nghệ thuật đặc biệt sẽ được tổ chức từ lúc 4 giờ chiều. Tổng hợp hai manh mối trên, ta có thể biết rằng triển lãm của bà Ling được bắt đầu vào lúc 4 giờ chiều ngày thứ Ba. Vậy đáp án đúng là (B) At 4:00 P.M.

# KẾ HOẠCH HỌC TẬP THEO TRÌNH ĐỘ

## BÀI KIỂM TRA TRÌNH ĐỘ

🔗 Bài kiểm tra trình độ

Hãy làm bài kiểm tra trình độ dưới đây, căn cứ vào số câu mà bạn trả lời đúng để xác định kế hoạch học tập phù hợp và hiệu quả cho mình.

**[1-4]** Lựa chọn từ trong ngoặc sao cho câu đúng ngữ pháp.

1. (a Eating, b Eat) regularly is the easiest way to stay healthy.
2. The company guarantees (a deliver, b delivery) in five to seven days.
3. The company (a encourages, b to encourage) staff to attend a seminar on time management.
4. The venue has been changed (a because of, b since) a problem with the air conditioning.

**[5-8]** Chọn True nếu từ được gạch chân đúng ngữ pháp và chọn False nếu từ đó bị sai.

5. A number of proposals was rejected due to lack of details. (True / False)
6. Many people make decisions based on their emotions. (True / False)
7. All employees are cooperate with the new policy. (True / False)
8. Karen decided to quit her job about she had received a pay raise soon. (True / False)

**[9-14]** Lựa chọn nghĩa đúng của từ vựng được gạch chân.

9. his main concern a thắc mắc b mối quan tâm
10. the overall effectiveness a tổng thể b lạc quan
11. confidence in the product a sự xác định b sự tin tưởng
12. commence the event a tổ chức b bắt đầu
13. complimentary beverage a miễn phí b được chứng nhận
14. reach a compromise a sự thỏa hiệp b sự uy hiếp

**[15-18]** Đây là bản dịch đúng của câu tiếng Anh phía trên?

15. Jane looks lovely in that dress.  
(A) Jane trông thật đáng yêu trong chiếc váy đó.  
(B) Jane nhìn chiếc váy đó một cách đáng yêu.
16. She will charge \$100 for editing the paper.  
(A) Cô ấy sẽ trả 100 đô-la cho việc biên tập tài liệu.  
(B) Cô ấy sẽ biên tập tài liệu với giá 100 đô-la.
17. I learned about the job through David.  
(A) Tôi đã nghe về công việc đó thông qua David.  
(B) Tôi đã học được công việc đó qua David.
18. The guest found our hotel convenient.  
(A) Vị khách đó đã tìm thấy khách sạn của chúng tôi một cách dễ dàng.  
(B) Vị khách đó thấy khách sạn của chúng tôi rất tiện nghi.

**[19-20]** Đọc đoạn văn sau và lựa chọn đáp án đúng cho từng câu hỏi.

While you were out, Mr. O'Connor called to request an urgent meeting with the sales staff. He needs to discuss an important client proposal. Please ask the members of your team to assemble in the conference room next to my office at 1 P.M. today.

Thank you.

19. Mục đích của đoạn văn này là gì?  
(A) Để đưa ra đề xuất với một khách hàng quan trọng  
(B) Để thông báo về một cuộc họp khẩn cấp
20. Cuộc họp sẽ được tổ chức ở đâu?  
(A) Trong phòng tổ chức yến tiệc của khách sạn  
(B) Trong phòng họp của công ty

Số câu trả lời đúng: \_\_\_\_\_ câu  
Bạn làm tốt lắm! (Đáp án ở trang 22)

Trả lời đúng từ 16 đến 20 câu

## KẾ HOẠCH HỌC TẬP TRONG 4 TUẦN | KẾ HOẠCH HỌC TẬP CƠ BẢN

Hãy học song song các kiến thức về Grammar, Vocabulary, Reading theo Kế hoạch học tập cơ bản đều đặn mỗi ngày trong vòng 4 tuần.

|                         |        | Ngày 1                                                       | Ngày 2                                   | Ngày 3                                   | Ngày 4                                   | Ngày 5                                   | Ngày 6                                                     |
|-------------------------|--------|--------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| Kế hoạch học tập cơ bản | Week 1 | Kiến thức cơ bản<br>Day 1 Week 1<br><input type="checkbox"/> | Day 2 Week 1<br><input type="checkbox"/> | Day 3 Week 1<br><input type="checkbox"/> | Day 4 Week 1<br><input type="checkbox"/> | Day 5 Week 1<br><input type="checkbox"/> | Ngày ôn tập<br><input type="checkbox"/>                    |
|                         | Week 2 | Day 1 Week 2<br><input type="checkbox"/>                     | Day 2 Week 2<br><input type="checkbox"/> | Day 3 Week 2<br><input type="checkbox"/> | Day 4 Week 2<br><input type="checkbox"/> | Day 5 Week 2<br><input type="checkbox"/> | Ngày ôn tập<br><input type="checkbox"/>                    |
|                         | Week 3 | Day 1 Week 3<br><input type="checkbox"/>                     | Day 2 Week 3<br><input type="checkbox"/> | Day 3 Week 3<br><input type="checkbox"/> | Day 4 Week 3<br><input type="checkbox"/> | Day 5 Week 3<br><input type="checkbox"/> | Ngày ôn tập<br><input type="checkbox"/>                    |
|                         | Week 4 | Day 1 Week 4<br><input type="checkbox"/>                     | Day 2 Week 4<br><input type="checkbox"/> | Day 3 Week 4<br><input type="checkbox"/> | Day 4 Week 4<br><input type="checkbox"/> | Day 5 Week 4<br><input type="checkbox"/> | Bài thi thử theo định dạng mới<br><input type="checkbox"/> |

# PHƯƠNG PHÁP HỌC TẬP

## TỰ HỌC

“Tôi thấy học một mình rất hiệu quả!”

Các bạn có thể vận dụng giáo trình – homepage– video bài giảng miễn phí để tự mình nâng cao hiệu suất học tập.

| **Giáo trình** Ôn luyện ngữ pháp – từ vựng – đọc hiểu → Áp dụng vào các câu hỏi luyện tập/ câu hỏi được biên soạn theo định dạng đề thi → Kiểm tra lại các phần chưa nắm rõ bằng sách giải.

| **Facebook: Tự học TOEIC – IELTS mỗi ngày** cung cấp tài liệu luyện thi TOEIC – IELTS được chọn lọc cẩn thận và chất lượng

## HỌC NHÓM

“Tôi thấy việc thảo luận cùng các bạn khác rất hiệu quả!”

Hãy học, làm bài thi thử và kiểm tra đáp án theo nhóm, sau đó cùng các bạn khác thảo luận lại những nội dung chưa nắm rõ để hiểu sâu hơn các kiến thức ngữ pháp.

| **Giáo trình** Ôn luyện theo giáo trình → Làm bài thi thử theo nhóm → Cùng bạn bè làm các câu hỏi luyện tập/câu hỏi được biên soạn theo định dạng đề thi → Cùng bạn bè thảo luận về các câu sai và lập một bản ghi chú.

| **Facebook: Học Tiếng Anh đi quanh thế giới** cung cấp các kiến thức bổ trợ cần thiết và hữu ích về ngữ pháp từ kiến thức cơ bản đến nâng cao.

## HỌC BẰNG VIDEO BÀI GIẢNG

“Tôi muốn học ở các trung tâm nhưng không có thời gian!”

Bạn có thể nghe giảng, đặt câu hỏi về những điều còn vướng mắc cho các giáo viên, từ đó từng bước nâng cao năng lực của bản thân.

**I Giáo trình** Ôn luyện ngữ pháp – từ vựng – đọc hiểu → Áp dụng vào các câu hỏi luyện tập/ câu hỏi được biên soạn theo định dạng đề thi → Kiểm tra lại các phần chưa nắm rõ bằng sách giải.

Vào năm 2020, Alpha Books sẽ cho ra mắt các video bài giảng được đầu tư kỹ lưỡng về mặt hình ảnh cũng như nội dung giảng dạy.

## HỌC Ở TRUNG TÂM

“Tôi muốn trực tiếp nghe giảng từ giáo viên!”

Bạn có thể trực tiếp học, nghe giảng và đặt câu hỏi về các nội dung cho giáo viên để dần dần giải quyết vướng mắc.

**I Giáo trình** Tham gia vào bài học, tận dụng thời gian nghỉ để đặt câu hỏi cho giáo viên và giải quyết các vấn đề còn vướng mắc → Lập một sổ tay ghi lại kiến thức cùng những lưu ý để tránh chọn sai đáp án.

# KIẾN THỨC CƠ BẢN CẦN NẮM RÕ

## Hackers TOEIC Start Reading

Phần này bao gồm những kiến thức cơ bản mà người học cần biết trước khi tìm hiểu về Grammar và Reading.

### Grammar

Thành phần cơ bản trong câu  
Năm mẫu câu cơ bản  
Tám loại từ  
Cụm từ và mệnh đề

### Reading

paraphrase



Người học sẽ dễ dàng hiểu được nội dung của một câu văn bằng tiếng Anh nếu làm quen với các thành phần cơ bản của câu trước khi thực sự bước vào phần học những kiến thức liên quan đến ngữ pháp.

## 1. Thành phần cơ bản trong câu - Các yếu tố tạo nên một câu văn trong tiếng Anh



### Chủ ngữ và động từ

Khi xem xét câu I run, ta thấy câu này đơn giản chỉ tạo thành từ hai từ vựng. Hai thành phần bắt buộc phải có để tạo nên một câu là chủ ngữ (I) và động từ (run). Trong những cấu trúc câu như Somebody do ~/be ~, Somebody đóng vai trò làm chủ ngữ, những cụm từ biểu hiện hành động hay trạng thái của chủ ngữ đó như do ~/be ~ đóng vai trò làm động từ.

I(chủ ngữ) + run(động từ). Tôi chạy.

### Tân ngữ

Chủ ngữ và động từ tuy là hai thành phần cơ bản trong câu nhưng trong một số trường hợp, chúng vẫn chưa thể tạo thành một câu hoàn chỉnh. Khi xem xét câu I like (Tôi thích), bạn có cảm thấy còn thiếu điều gì không? Đó là do câu này không có tân ngữ. Nếu ta thêm danh từ sandwich để làm đối tượng của động từ like, chúng ta sẽ có một câu hoàn chỉnh. Nói cách khác, trong cấu trúc câu Somebody do something ~ thì something đóng vai trò làm tân ngữ trong câu.

I(chủ ngữ) + like(động từ + sandwiches(tân ngữ)). Tôi thích bánh sandwich.

### Bổ ngữ

Trong câu She is happy (Cô ấy hạnh phúc), chủ ngữ là She, động từ là is nhưng tính từ happy không đóng vai trò tân ngữ. Ở đây, happy được dùng để miêu tả trạng thái của She. Còn trong câu That present made her happy (Món quà đó đã làm cô ấy hạnh phúc), cụm từ made ~ happy giúp giải thích về tâm trạng của her. Những từ được dùng để miêu tả thêm về đặc điểm, tính chất hay trạng thái của chủ ngữ hoặc tân ngữ như trong hai câu ví dụ trên được gọi là bổ ngữ.

She (chủ ngữ) + is (động từ) + happy (bổ ngữ). Cô ấy hạnh phúc.

The present (chủ ngữ) + made (động từ) + her (tân ngữ) + happy (bổ ngữ).

Món quà đó đã làm cô ấy hạnh phúc.

### Thành phần bổ nghĩa

Thành phần bổ nghĩa bổ sung thông tin cho những thành phần cơ bản trong câu. Ví dụ, trong câu Jane dances beautifully (Jane nhảy rất đẹp), từ beautifully miêu tả cụ thể hơn cho hành động dance. Lúc này, beautifully được coi là một thành phần bổ nghĩa.

Jane (chủ ngữ) + dances (động từ) + beautifully (thành phần bổ nghĩa). Jane nhảy rất đẹp.

## 2. Năm mẫu câu cơ bản - Năm mẫu câu cơ bản trong tiếng Anh

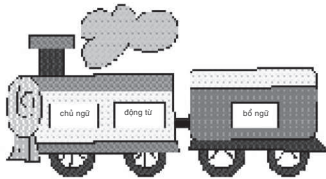
### Mẫu câu 1



Mẫu câu thứ hai được thành lập bằng cách thêm bổ ngữ vào sau **chủ ngữ + động từ**. Các động từ như **become** (trở thành), **look** (trông giống như) và **seem** (có vẻ như) thường xuất hiện trong mẫu câu này.

**Korea (chủ ngữ) + won (động từ)**. Hàn Quốc đã chiến thắng.

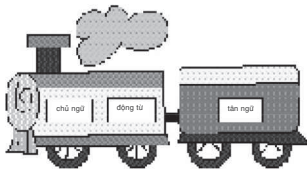
### Mẫu câu 2



Mẫu câu thứ hai được thành lập bằng cách thêm bổ ngữ vào sau **chủ ngữ + động từ**. Các động từ như **become** (trở thành), **look** (trông giống như) và **seem** (có vẻ như) thường xuất hiện trong mẫu câu này.

**You (chủ ngữ) + look (động từ) + smart (bổ ngữ cho chủ ngữ)**. Cậu trông thật bảnh.

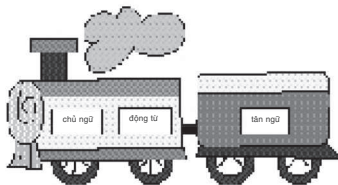
### Mẫu câu 3



Mẫu câu thứ ba được thành lập bằng cách thêm tân ngữ vào sau **chủ ngữ + động từ**. Các động từ như **love** (yêu), **meet** (gặp), **believe** (tin) thường xuất hiện trong mẫu câu này.

**She (chủ ngữ) + saw (động từ) + the movie (tân ngữ)**. Cô ấy đã xem bộ phim đó.

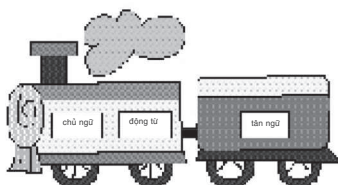
### Mẫu câu 4



Trong mẫu câu thứ tư, câu có hai tân ngữ sau động từ chính, một là tân ngữ trực tiếp và một là tân ngữ gián tiếp. Các động từ như **give** (đưa), **send** (gửi), **tell** (nói), **show** (cho xem) thường được theo sau bởi hai tân ngữ.

**Jim (chủ ngữ) + gave (động từ) + his wife (tân ngữ gián tiếp) + a necklace (tân ngữ trực tiếp)**. Jim đã tặng cho vợ mình một chiếc vòng cổ.

### Mẫu câu 5



Trong mẫu câu thứ 5, động từ chính được theo sau bởi một tân ngữ và một bổ ngữ. Những động từ như **make** (làm, khiến cho), **find** (thấy rằng), **call** (gọi) thường xuất hiện trong mẫu câu này.

**The news (chủ ngữ) + made (động từ) + me (tân ngữ) + happy (bổ ngữ cho tân ngữ)**.

Tin đó làm tôi vui.



### 3. Tám loại từ – Tám loại từ trong tiếng Anh

#### Danh từ

Tên gọi các sự vật  
**book, window, air**

**Danh từ** là tên gọi các sự vật quanh ta. Danh từ có thể là vật hữu hình, những thứ ta có thể cảm nhận trực tiếp bằng cách nhìn, nghe, sờ, ngửi, ví dụ như **book** (quyển sách), **pencil** (bút chì). Danh từ cũng có thể là những khái niệm, tình trạng, trạng thái, cảm xúc, cảm giác trừu tượng mà ta chỉ có thể hình dung, cảm nhận chứ không thể nhìn hay chạm vào, ví dụ như **air** (không khí), **effort** (nỗ lực).

#### Đại từ

Từ thay thế cho danh từ  
**book, window, air**

**Đại từ** được dùng để thay thế cho danh từ tương ứng nhằm tránh lặp lại danh từ đã được nhắc tới trước đó. Ví dụ, trong hai câu **I watched a movie. It was interesting** (Tôi đã xem bộ phim này. Nó rất thú vị), **It** là đại từ được dùng thay cho danh từ **a movie** ở câu trước đó.

#### Động từ

Từ chỉ hoạt động  
**sing, run, eat**

Một câu hoàn chỉnh luôn cần **động từ** để miêu tả hành động hoặc trạng thái của người hay vật đóng vai trò chủ ngữ.

#### Tính từ

Bổ nghĩa cho danh từ  
**new, nice, pretty**

**Tính từ** đóng vai trò bổ nghĩa cho danh từ. Nó giúp miêu tả các đặc điểm, tính chất của sự vật, hiện tượng mà danh từ đó đại diện. Khi ta thêm từ **exciting** vào trước từ **movie** sẽ được một cụm có nghĩa là **một bộ phim thú vị**, còn nếu thay bằng từ **boring** cụm từ lại trở thành một bộ phim nhàm chán.

#### Trạng từ

Bổ nghĩa cho động từ  
**quickly, very, early**

Trong câu **I got up early** (Tôi đã dậy sớm), từ **early** bổ nghĩa cho động từ **got up**. Ở đây, từ bổ nghĩa cho động từ được gọi là **trạng từ**. Trong khi tính từ chỉ bổ nghĩa được cho danh từ thì trạng từ lại có thể bổ nghĩa cho cả động từ, tính từ hoặc cả câu. Trạng từ đảm nhận vai trò giúp cho ý nghĩa của đối tượng được bổ nghĩa trở nên rõ ràng hơn.

#### Liên từ

Từ dùng để liên kết  
**and, but, so**

Trong câu **Chul Soo is tall and well-built** (Chul Soo cao và vạm vỡ), từ **tall** (cao) và **well-built** (vạm vỡ) được liên kết với nhau bởi từ **and** (và). Trong tiếng Anh, **liên từ** có vai trò giúp liên kết từ với từ, cụm từ với cụm từ hay mệnh đề với mệnh đề.

#### Giới từ

Đứng trước danh từ và đại từ  
**in, on, to**

Khi muốn nói **vào tháng Một**, ta sẽ thêm giới từ **in** vào trước **January**. **Giới từ** đứng trước danh từ hoặc đại từ để chỉ thời gian, địa điểm, phương hướng, nguyên do hay cách thức,...

#### Thán từ

Từ bày tỏ cảm xúc  
**oh, wow, oops**

Trong câu **Oh! The scenery is so wonderful!** (Ồ! Cảnh đẹp quá!), từ **Oh** thể hiện cảm xúc ngạc nhiên, ngỡ ngàng của người nói. Những từ được thốt ra một cách tự nhiên hay vô thức khi vui vẻ, buồn bã, tức giận, ngạc nhiên được gọi là **thán từ**. Trong tiếng Anh có những từ thường được dùng để bày tỏ cảm xúc, cảm thán như **Wow** (Ồ!), **Oops** (Úi!) hay **Bravo** (Hay lắm!)

# Day 1 Week 1

Hackers TOEIC Start Reading



## Grammar Part 5, 6

[Thành phần câu] Chủ ngữ/Động từ

01 Vị trí của chủ ngữ

02 Vị trí của động từ



## Vocabulary Part 5, 6

Cụm giới từ



## Reading Part 7

Câu hỏi yêu cầu chọn câu phù hợp





## Ngữ pháp cơ bản

### Chủ ngữ là gì? Động từ là gì?

The octopus     dances. (Bạch tuộc nhảy.)  
chủ ngữ             động từ



Trong câu The octopus dances, the octopus (bạch tuộc) là chủ thể thực hiện hành động dances (nhảy). Ta gọi những từ chỉ chủ thể của hành động là chủ ngữ. Dances đứng sau the octopus chỉ hành động của bạch tuộc. Những từ biểu thị hành động hay trạng thái của chủ ngữ như thế được gọi là động từ.

### Trong câu có nhất thiết phải có cả chủ ngữ và động từ không?

Có. Trong tiếng Anh, chủ ngữ và động từ là hai thành phần cơ bản nhất cấu tạo nên câu. Nói cách khác, một câu hoàn chỉnh cần phải có tối thiểu một chủ ngữ và một động từ.

Employees / work. (O)     Các nhân viên / làm việc.  
chủ ngữ     động từ             chủ ngữ     động từ

People / competent (X)     Mọi người / thạo việc.  
chủ ngữ     tính từ             chủ ngữ     tính từ

### Check Up

Câu nào dưới đây đúng?

- A. The airplane arrived. Máy bay đã đến nơi.
- B. Mr. Kim manager Ông Kim quản lý
- C. build available xây dựng có thể sử dụng

→ Cần phải có cả chủ ngữ lẫn động từ thì mới có thể tạo thành câu văn hoàn chỉnh. [Đáp án: A]





Flowers are really loved by girls because fragrant makes them happy.

Hoa được các bạn gái rất yêu thích vì thơm ngát khiến họ thấy vui vẻ. Từ flower (hoa) có thể đứng ở vị trí chủ ngữ trong khi tính từ fragrant (thơm ngát) thì không. Trong tiếng Anh, có những từ loại có thể và có những từ loại không thể đóng vai trò chủ ngữ trong câu.

## 1

### Những từ loại có thể đóng vai trò chủ ngữ

Những từ loại có thể đóng vai trò chủ ngữ trong câu là danh từ và đại từ. Ngoài ra, danh động từ, to + động từ nguyên thể, mệnh đề danh ngữ cũng có thể đóng vai trò làm chủ ngữ.

Danh từ

The proposal / sounds excellent. Bản đề xuất / có vẻ rất xuất sắc.  
chủ ngữ

Đại từ

They / are my coworkers. Họ / là đồng nghiệp của tôi.  
chủ ngữ

Danh động từ

Getting enough rest / is important.  
chủ ngữ

Việc nghỉ ngơi đầy đủ / rất quan trọng.

to + động từ nguyên thể

To finish the race / is my only goal.  
chủ ngữ

Hoàn thành cuộc đua / là mục tiêu duy nhất của tôi.

## 2

Mệnh đề danh ngữ

That he will come / is certain. Việc anh ấy sẽ tới / là chắc chắn.  
chủ ngữ

### Những từ loại không thể đóng vai trò chủ ngữ

Động từ hoặc tính từ không thể đứng ở vị trí chủ ngữ.

The (apply, application) / should include a letter of reference.

động từ (x)    danh từ (o)

Hồ sơ ứng tuyển / nên bao gồm cả một lá thư giới thiệu.

The (different, difference) in cost / influenced the decision.

tính từ (x)    danh từ (o)

Sự chênh lệch / về giá đã ảnh hưởng đến quyết định.